

Số: 676/2020/QĐST-HNGĐ

*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 943/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh L.M.Q**, sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 4, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố H; chỗ ở: khu tập thể A, ngõ 105 L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

- **Chị T.T.P.T**, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 71 N, phường L, quận Đ, Thành phố H; chỗ ở: khu tập thể A ngõ 105 L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T.T.P.T và anh L.M.Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay chị T và anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L.M.Q và chị T.T.P.T xác nhận có hai con chung là cháu L.M.N (nữ), sinh ngày 16.7.2015 và cháu L.N.M (nam), sinh ngày 06.7.2018. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.M.N và chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.N.M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Anh L.M.Q và chị T.T.P.T không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh L.M.Q và chị T.T.P.T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh L.M.Q tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh L.M.Q và chị T.T.P.T.

- Về con chung: Xác nhận anh L.M.Q và chị T.T.P.T có hai con chung là cháu L.M.N (nữ), sinh ngày 16.7.2015 và cháu L.N.M (nam), sinh ngày 06.7.2018. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.M.N và chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.N.M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh L.M.Q và chị T.T.P.T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh L.M.Q và chị T.T.P.T xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh L.M.Q và chị T.T.P.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh L.M.Q tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015076 ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Thị Kiều My**